ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2012/QĐ-UBND	*Thái Bình, ngày 05 tháng 9 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình nhóm 1, công trình nhóm 2 và công trình phụ trợ cho các xã thuộc các huyện: Vũ Thư và Kiến Xương.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 09/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2011-2015; số 02/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh; số 19/2013/QĐ-UBND ngày 07/11/2013 sửa đổi một số nội dung của Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013; số 1411/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 về việc bổ sung một số nội dung về chủ trương hỗ trợ xi măng xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới tỉnh Thái Bình, năm 2014;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh tại Tờ trình số 65/TTr-VPĐP ngày 27/8/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình nhóm 1, công trình nhóm 2 và công trình phụ trợ cho các xã thuộc các huyện: Vũ Thư và Kiến Xương, với tổng khối lượng bổ sung: 2.122,3 tấn (04 xã), cụ thể:

- Huyện Vũ Thư: 1.886,1tấn (02 xã);
- Huyện Kiến Xương: 236,2 tấn (02 xã);

(Có Phụ lục 1, 2, 3 chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào nội dung được phê duyệt tại Điều 1, các cấp, các sở, ngành, đơn vị có trách nhiệm:

- Sở Thông tin và Truyền thông thông báo khối lượng xi măng hỗ trợ cho các xã thuộc các huyện: Vũ Thư và Kiến Xương được phê duyệt trên Cổng thông tin Điện tử của tỉnh;

- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo khối lượng xi măng hỗ trợ theo đơn vị xã; đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo kế hoạch được duyệt;

- Quỹ Đầu tư và Phát triển Thái Bình chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện: Vũ Thư, Kiến Xương và doanh nghiệp cung ứng xi măng tổ chức giao, nhận xi măng cho các xã theo kế hoạch được duyệt;

- Ủy ban nhân dân các huyện: Vũ Thư, Kiến Xương và Ủy ban nhân dân các xã có tên tại Điều 1: Thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng xi măng; thực hiện thanh, quyết toán khối lượng xi măng được hỗ trợ đảm bảo quy định; quản lý đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của các sở, ngành chuyên môn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Chánh Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh; Giám đốc Quỹ Đầu tư và Phát triển Thái Bình; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã có tên tại Điều 1; Giám đốc sở, Thủ trưởng ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới (Sở Nông nghiệp và PTNT);
- Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình;
- Cổng thông tin Điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NNTNMT, KHTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Ca

Phụ lục 1: LƯỢNG XI MĂNG BỔ SUNG HỖ TRỢ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH NHÓM 1, CÔNG TRÌNH NHÓM 2 VÀ CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ CHO CÁC XÃ THUỘC CÁC HUYỆN: VŨ THƯ VÀ KIẾN XƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 2012 /QĐ-UBND ngày 05/9/2014 của UBND tỉnh).

STT	Huyện/xã	Khối lượng xi măng (tấn)	Ghi chú
	Tổng cộng (04 xã)	**2.122,3**	
I	**Vũ Thư (02 xã)**	**1.886,1**	
1	Hồng Lý	1.023,2	
2	Trung An	862,9	
II	**Kiến Xương (02 xã)**	**236,2**	
1	Nam Cao	204,8	
2	Vũ Trung	31,4	

DANH MỤC CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH CỦA CÁC XÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ XI MĂNG, HUYỆN VŨ THƯ

(Kèm theo Quyết đinh số 2012 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh).

TT	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư (m)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Khối lượng xi măng (tấn)
	Tổng cộng (02 xã)			**1.88**
I	**Xã Hồng Lý**			**1.02**
*	**Đường giao thông trục thôn**			**588**
	Bm 3,5m	***1.915***	***Bm 3,5m; BT M200; dày 16cm***	***375***
	Đường trục xã - cửa ông Hàng	429		8
	Ngõ ông Khiết - cống ông Tuyến	428		8
	Từ nhà ông Vinh - quán ông Lộc	963		188
	Quán ông Lộc - nhà Thờ Xứ	95		18
	Bm 3,0m	***1.267***	***Bm 3,0m; BT M200; dày 16cm***	***212***
	Từ nhà ông Bình - sau ông Luật	138		23
	Ngõ bà Quý - ngõ anh Tuân	380		63
	Từ nhà ông Cường - nhà thờ Phú Hậu	240		40
	Ngõ ông Đài - ngõ ông Bắc	300		50
	Ngõ ông Bắc - ông Cường	89		15
	Ngõ ông Sáu - ngõ ông Chung	120		20
	Đường nhánh cấp 1 giao thông trục thôn			**43**
	Bm 3,0m	***1.105***	***Bm 3,0m; BT M200; dày 14cm***	***162***
	Ngỗ ông Đức - ông Ẩm - a Lãng	54		7
	Trục thôn- ông Mùi	44		6
	Trục thôn - ông Tuấn	149		21
	Trục thôn - ông Thụ	15		2
	Trục thôn - ngõ ông Kênh	84		12
	Ngõ ông Luân - trục thôn	45		6
	Ngõ bà Doan - ông Đài	275		40
	Ngõ ông Cường - ngõ bà Nhung	45		6
	Đền Thần Phi - ngõ ông Bắc	100		14
	Ngõ ông Khương - ao ông Mẫn	38		5
	Cửa ông Thủy - ông Tịnh - bà Nhật	40		5
	Từ nhà anh Oánh - bà Bộ	24		3
	Từ đường trục xã - bà Toàn	155		22
	Đường trục xã vào hội trường thôn	38		5

TT	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư (m)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	lượng xi măng (tấn)
	Bm 2,5m	***2.218***	***Bm 2,5m; BT M200; dày 14cm***	***272***
	Từ nhà ông Thắm - ông Thùy	93		11
	Cống ông Bình - cống ông Hàng	207		25
	Từ nhà ông Háu - bà Lan	28		3
	Ngõ Sơn - sau ông Đức	74		9
	Ngõ ông Tỵ-bà Tập-bà Cơ-Hiệu-ông Phủ	364		44
	Trục thôn - ngõ bà Nụ	45		5
	Trục thôn - ngõ ô Bồng	50		6
	Trục thôn - cô Mơ	19		2
	Trục thôn - ngõ ông Khúc	24		3
	Ngõ ông Thọ - ông Xuyên	35		4
	Đường trục thôn - ngõ ông Nghị	65		8
	Đường trục thôn - anh Cảnh	40		4
	Đường đá - ông Tiềm	36		4
	Đường trục thôn - ông Thịnh	43		5
	Từ nhà anh Lộc - ông Hải	30		3
	Từ ao ông Mẫn - ngõ ông Mẫn	35		4
	Ngõ ông Phương - ông Quý	27		3
	Từ nhà ông Toản - ông Hích	32		3
	Từ nhà anh Đạo - bà Moa	73		9
	Từ ao ông Oánh - ngõ B Dần	95		11
	Ngã ba ông Đoàn - ông Lĩnh	71		8
	Cửa ông Phóng - bà Dương	86		10
	Sau ông Thịnh - ông Bốn	84		10
	Cửa ông Giang - ông Tạo	119		14
	Từ nhà ông Thanh - ông Nhẫn	36		4
	Cửa ông Tân - anh Hiếu	43		5
	Đường bà Hộ - ông Toản	42		5
	Đê bối - ông Đảo	130		16
	Đê bối - ông An	65		7
	Từ nhà ông Thủy - ông Vang	60		7
	Trục thôn - ngõ ông Văn	69		8
	Xã Trung An			**862**
	Đường giao thông trục thôn			**417**
	Bm 3,5m	***2.131***	***Bm 3,5m; BT M200; dày 16cm***	***417***
	Ngõ ông uyển đến ngõ ông hùng	167		32

T	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư (m)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	lượng x măng (tấn)
	Trục thôn đến ngõ ông chấn	11		2
	Cổng Uỷ ban đến ngõ ông Thế	452		88
	Ngõ ông Canh đến trạm y Tế	495		97
	Ngõ ông Tuân đến WB2	278		54
	Ngõ ông Miện đến ngõ ông Tuân	352		69
	Trạm biến áp giáp Nguyên Xá	189		37
	Gốc đa đến ngõ ông Thăng	188		36
	Đường nhánh cấp 1 giao thông trục thôn			**44**
	Bm 3,0m	***1.623***	***Bm 3,0m; BT M200; dày 14cm***	***238***
	Ngõ ông Đạo đến cột điện ông Tài	129		19
	Góc ao huyện đến trục xã	137		20
	Ngõ ông Hùng đến ngõ Biên	85		12
	Ngõ bà lịch đến ngõ ông Thắng	62		9
	Ngõ ông Bộc đến ngõ ông Tặng	40		5
	Ngõ ông Thế đến giáp Vũ Phúc	132		19
	Từ nhà ông Tá đến ông Chất	111		16
	Ngõ ông Vận đến ông Xê	87		12
	Đường WB2 đến ngõ ông Chụng	93		13
	Ngõ ông Thuần đến ngõ Bà Động	336		49
	Đường WB2 đến chùa	197		29
	Ngõ ông Bắc đến ngõ ông Hứa	114		16
	Ngõ ông Tăng đến ngõ ông Niệm	100		14
	Bm 2,5m	***1.688***	***Bm 2,5m; BT M200; dày 14cm***	***206***
	Ngõ ông Biên đến ngõ ông Đe	38		4
	Cổng bà Mâu đến trục thôn	106		12
	Trục thôn đến ngõ ông Úy	22		2
	Trục thôn đến ngõ ông Thuyên	11		1
	Ngõ ông Phiếu đến ngõ ông Thoan	29		3
	Ngõ ông Thuấn đến ông Khôi	55		6
	Trục xã đến ngõ ông Tuyến	57		6
	Trục xóm đến ngõ ông Nam	20		2
	Trục thôn đến ngõ ông Đức	32		3
	Trục xã đến ngõ ông Năm	80		9
	Trục thôn đến ngõ ông Hoa	20		2
	Trục thôn đến ngõ cô Luyên	10		1
	Trục thôn đến ngõ Tuân	35		4

TT	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư (m)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	lượng ... măng (tấn)
	Ngõ bà Ngọt đến ngõ ông Thiệp	67		8
	Trục xóm đến ngõ ông Bằng	25		3
	Ngõ bà Vĩnh đến ngõ anh Tường	12		1
	Ngõ ông Tỵ đến ngõ anh Điển	25		3
	Ngõ anh Xê đến ngõ anh Lành	43		5
	Ngõ ông Dũng đến ngõ nhà ông Đán	23		2
	Ngõ ông Cẩn đến ngõ ông Khẩn	50		6
	Ngõ nhà ông Nam đến ngõ nhà ông Thu	17		2
	Ngõ ông Chất đến Ngõ ông Hách	30		3
	Ngõ Bà Bê đến ngõ ông Khải	169		20
	Ngõ nhà ông Ca đến ngõ nhà ông Năm	32		3
	Ngõ nhà ông Minh đến ngõ ông Bộ	43		5
	Ngõ ông Tạ đến cống chùa	44		5
	Ngõ ông Quang đến ngõ ông Vượng	23		2
	Ngõ ông Toản đến ngõ ông Chinh	110		13
	Trục thôn đến ngõ bà Muội	28		3
	Từ nhà ông Tâm đến ông Thanh	108		13
	Ngõ ông hoan đến trục thôn	40		4
	Ngõ ông Đăng đến ngõ bà Phái	29		3
	Ngõ ông Thủy đến ngõ ông Minh	56		6
	Ngõ ông Hiệp đến ngõ ông Khoa	20		2
	Ngõ ông Lâm đến ngõ ông Tùng	73		8
	Ngõ bà Tân đến ngõ Bà Tiên	78		9
	Ngõ bà Vụ đến ngõ ông Ân	31		3

Phụ lục 3:

DANH MỤC CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH CỦA CÁC XÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ XI MĂNG, HUYỆN KIẾN XƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 2012 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh).

STT	Danh mục công trình	Khối lượng xi măng (tấn)
	Tổng cộng (02 xã)	**236,2**
1	**Xã Nam Cao**	**204,8**
*	**Công trình nhóm 2**	**137,6**
	Nhà văn hóa xã	111,1
	Tầng 2 và mái nhà hiệu bộ tầng 2-Trường Tiểu học	26,5
*	**Công trình phụ trợ**	**67,2**
	Sân trường Lương Thế Vinh	67,2
2	**Xã Vũ Trung**	**31,4**
*	**Công trình phụ trợ**	**31,4**
	Sân, cổng, tường bao, rãnh thoát nước nhà văn hóa thôn 6	31,4

Văn bản được ký số bởi:
Văn phòng UBND tỉnh

Thời gian ký số:
05/09/2014 14:40:02